TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2022/DS-PT
Ngày 23/12/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Nga.
Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú.
Ông Phạm Trung Thực.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/11/2022, ngày 16/12/2022 và ngày 23/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2022/TLPT-DS ngày 29/8/2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐ-PT ngày 13/9/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Ng, sinh năm 1971, có mặt.
Địa chỉ: Đội 6, xã D, huyện T, tỉnh HY.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1987, có mặt.
Nơi Đăng ký HKTT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh HY.
Hiện tạm trú: Đội 3, xã D, huyện T, tỉnh HY.

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Ông Nguyễn Hùng Ph - Luật sư Văn phòng luật sư Phúc Sơn, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Đức H, sinh năm 1969, vắng mặt. Địa chỉ: Đội 6, xã D, huyện T, tỉnh HY.

* *Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đức H:* Bà Đoàn Thị Ng, sinh năm 1971, theo giấy ủy quyền ngày 09/12/2022 của ông Lê Đức H.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn Bà Đoàn Thị Ng trình bày: Bà và chị Nguyễn Thị Kim L là chỗ quen thân. Bà nhiều lần cho chị L vay tiền nhưng đã thanh toán đầy đủ. Đầu năm 2019 bà cho chị L vay tổng số tiền 1,2 tỷ

đồng, hai bên không viết giấy tờ biên nhận chỉ thoả thuận miệng, chị L làm ăn lợi nhuận hàng tháng trả bà. Đến tháng 5 năm 2019 chị L nhờ bà mua hộ nhà đất để lấy chỗ kinh doanh. Bà đã mua hộ nhà đất cho chị L của vợ chồng ông Phạm Quang B, bà Vũ Thị H đang phải thi hành bản án trả nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Hưng Yên với giá 03 tỷ đồng, trả thêm cho vợ chồng bà H 50 triệu đồng và 25 triệu đồng mua hòn non bộ, cộng bằng 3,075 tỷ đồng; thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuế là 35 triệu đồng. Chị L nhờ vợ chồng bà sửa nhà hết số tiền 550 triệu đồng. Chị L nhiều lần chuyển khoản, nhờ người đưa tiền cho vợ chồng bà thanh toán một phần tiền mua đất, sửa nhà. Đầu năm 2020 chị L và bà đã cùng tính toán các khoản nợ, số tiền đưa, nhận với nhau và chốt nợ tính đến ngày 05/3/2020 chị L còn nợ vợ chồng bà là 1.650.000.000 đồng. Để ghi nhận số tiền nợ, trong các ngày 05/3/2020 và ngày 06/3/2020 vợ chồng bà và chị L đã ký giấy biên nhận, hợp đồng vay tài sản đều thể hiện nội dung: Vợ chồng bà Ng cho chị L vay số tiền 1.650.000.000 đồng với lãi suất 0%, thời hạn vay 15 ngày, từ 06/3/2020 đến ngày 21/3/2020, khi đến hạn nếu bên vay không trả phải chịu lãi suất theo quy định. Ngoài ra trong giấy biên nhận và hợp đồng ghi ngày 05/3/2020 còn thể hiện việc chị L thế chấp nhà đất tại thửa đất số 414 tờ bản đồ số 24 diện tích 318,3m^2 địa chỉ xã D, huyện T, tỉnh Hđ ể đảm bảo cho khoản vay trên. Tuy nhiên, hợp đồng trên không được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm. Hết thời hạn 15 ngày chị L không trả tiền nên bà đã đòi, chị L nhờ em gái là chị L trả cho bà 500 triệu đồng, còn nợ 1.150.000.000đồng. Sau đó chị L không trả nữa nên bà khởi kiện yêu cầu chị L phải trả nợ cho bà số tiền gốc 1.150.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố. Trường hợp chị L không trả nợ thì đề nghị cho phát mại nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hùng Ph trình bày: Chị L quan hệ với vợ chồng bà Ng là chỗ thân tình, chị nhận vợ chồng bà Ng, ông H là bố mẹ nuôi. Đầu năm 2019 chị vay của vợ chồng bà Ng tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng trong đó 450.000.000 đồng lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày; 300.000.000 đồng lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày; còn lại tính lãi như ngân hàng. Chị có nhờ vợ chồng bà Ng đứng ra mua hộ nhà đất của vợ chồng bà H, ông Bình với giá 03 tỷ đồng, nhờ thuê người sửa nhà hết 550 triệu đồng. Chị đã nhiều lần chuyển khoản, đưa tiền mặt, nhờ người chuyển khoản và đưa tiền mặt trả cho vợ chồng bà Ng. Ngày 05/3/2020 chị đã đưa cho bà Ng số tiền là 02 tỷ đồng đem trả số tiền bà Ng vay ngân hàng để lấy bìa đỏ ra. Tổng số tiền chị đã đưa cho vợ chồng bà Ng là 5.123.100.000 đồng. Vợ chồng bà Ng ép buộc chị phải ký giấy vay số tiền 1.650.000.000 đồng thì mới làm thủ tục sang tên bìa đỏ nhà đất cho chị nên chị phải ký chứ thực tế chị không vay tiền của vợ chồng bà Ng. Nếu bà Ng yêu cầu chị trả số tiền 1.150.000.000đồng thì chị yêu cầu vợ chồng bà Ng phải trả cho chị số tiền hơn 02 tỷ đồng. Bà Ng khai mua nhà đất của vợ chồng ông Bình, bà H phải trả thêm 50 triệu đồng, mua hòn non bộ 25 triệu đồng và 35 triệu đồng tiền thuế, chi phí sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, những số tiền này chị không chấp nhận. Hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2020; giấy biên nhận ngày

05/3/2020 và hợp đồng vay tiền ngày 06/3/2020 là do chị bị bà Ng ép ký, do khi đó nhà đất bà Ng mang đi thế chấp Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên (Viettinbank) vay số tiền 02 tỷ đồng, số tiền này bà Ng giữ, hàng tháng em gái chị là chị Nguyễn Thị L phải trả lãi cho đến khi rút giấy chứng nhận. Khi chị yêu cầu vợ chồng bà Ng sang tên nhà đất thì vợ chồng bà Ng không chịu trả nhà đất, do lo lắng nên ngày 05/3/2020 chị đã đưa vợ chồng em gái chị là chị Linh, anh Đại số tiền 02 tỷ đồng đưa cho bà Ng, ông H trả tiền Ngân hàng rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Cùng ngày 05/3/2020 bà Ng đã ép chị phải ký Hợp đồng vay tiền; giấy biên nhận ngày 05/3/2020 và hợp đồng vay tiền ngày 06/3/2020 thì mới sang tên sổ đỏ nên chị đã ký. Chị xác định không có việc vay mượn vợ chồng bà Ng số tiền 1.650.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức H trình bầy đúng như lời khai của vợ là Bà Đoàn Thị Ng và ông ủy quyền cho bà Ng thay mặt ông giải quyết mọi vấn đền liên quan đến vụ kiện.

Những người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị L và chồng là anh Trần Đình Đ khẳng định đưa cho bà Ng hộ chị L số tiền tổng là 3.340.000.000 đồng.

Bà Lê Thị Hạnh khẳng định bà cùng chị L trả bà Ng 200 triệu đồng.

Anh Nguyễn Thanh Tùng khẳng định anh được chị L nhờ chuyển tiền vào tài khoản cho bà Ng 05 lần vào số tài khoản 2410205104481 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Tiên Lữ: Ngày 14/6/2019 là 13.200.000 đồng; ngày 20/7/2019 là 5.000.000 đồng; ngày 08/10/2019 là 4.050.000 đồng và số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên ngày 08/11/2019 là 14.000.000 đồng; ngày 03/02/2020 là 30 triệu đồng và anh đưa tiền mặt 32 triệu đồng cho bà Ng, cụ thể: Tháng 8/2019 anh đưa cho bà Ngoc 20 triệu đồng, ngày 14/6/2019 anh đưa 09 triệu đồng và anh nhờ anh Vương Hải B chuyển cho bà Ng 03 triệu đồng, tổng là 66.250.000 đồng.

Anh Vương Hải B trình bày: Anh đưa cho bà Ng hộ chị L 2 lần tổng số tiền là 15 triệu đồng, một lần 12 triệu đồng và một lần 03 triệu đồng anh Tùng nhờ.

Anh Chu Đình Qu khẳng định anh chuyển vào tài khoản cho bà Ng hộ chị L 09 lần, số tiền tổng là 182.500.000 đồng.

Anh Phạm Đức S khẳng định ngày 04/12/2019 chuyển vào số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên của bà Ng số tiền 31.400.000 đồng và ngày 27/9/2019 anh đưa tiền mặt cho bà Ng 50 triệu đồng, tổng là 81.400.000 đồng hộ chị L.

Chị Ngô Huỳnh Cẩm Gi khẳng định chuyển khoản cho bà Ng số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên ngày 21/6/2019 số tiền 18.000.000 đồng hộ chị L.

Bà Vũ Thị H xác định vợ chồng bà chỉ là người bán nhà đất cho bà Ng, ông Hải, bà không biết chị L là ai. Vợ chồng bà thỏa thuận miệng với bà Ng là bán nhà đất với giá 3.050.000.000 đồng, trong đó trả ngân hàng 03 tỷ và nhận

của bà Ng 50 triệu đồng. Do nhà bà có xây dựng hòn non bộ, bà đã bán cho bà Ng giá 25 triệu đồng. Số tiền bà bán nhà và bán hòn non bộ tổng là 3.075.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của TAND huyện Tiên Lữ đã quyết định: Tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đoàn Thị Ng. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Kim L phải thanh toán trả cho vợ chồng Bà Đoàn Thị Ng, ông Lê Đức H số tiền gốc 1.150.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc là 267.260.000 đồng. Cộng cả gốc và lãi chị L phải trả là 1.417.260.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của Bà Đoàn Thị Ng đề nghị kê biên, phát mại tài sản là nhà đất tại thửa số 414 tờ bản đồ số 24. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Ngày 08/8/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đoàn Thị Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khẳng định:

Khoản tiền chị L vay làm ăn là 1,2 tỷ đồng, cụ thể khoản 100 triệu đồng vay không nhớ thời gian; ngày 02/02/2019 vay 600 triệu đồng; ngày 10/4/2019 vay 50 triệu đồng; ngày 12/5/2019 vay 200 triệu đồng; ngày 18/5/2019 vay 250 triệu đồng đều vay không lãi, không giấy tờ. Chị L đã chốt các công nợ tổng là 1.200.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 02/02/2019, chị L tự viết giấy biên nhận với nội dung số tiền vay 1.200.000.000 đồng thời hạn trả từ ngày 02/02/2019 đến ngày 15/03/2020, hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Khoản tiền mua nhà đất: Tháng 5/2019 chị L nhờ bà mua hộ nhà đất để lấy chỗ kinh doanh. Bà đã mua hộ nhà đất cho chị L của vợ chồng ông Phạm Quang B, bà Vũ Thị H đang phải thi hành bản án trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên với giá 03 tỷ đồng, trả thêm cho vợ chồng bà H 50 triệu đồng; 25 triệu đồng mua hòn non bộ; thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 35 triệu đồng, sửa nhà 550 triệu đồng, toàn bộ số tiền trên vợ chồng bà cho chị L vay. Sau khi sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã thế chấp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên vay 02 tỷ đồng, lãi suất hàng tháng chị L trả.

Ngoài số nợ trên, chị L còn cầm của bà và nhờ bà chuyển khoản cho một số cá nhân tổng là 633.000.000 đồng. Chị L còn phải trả bà 421 triệu tiền lợi nhuận. Chị L đã trực tiếp trả và nhờ người khác trả nợ bà như sau:

1. Tháng 7 năm 2019 vợ chồng anh Trần Đình Đại, sinh năm 1992, chị Nguyễn Thị Linh, sinh năm 1994. Địa chỉ: Quán Karaoke Queen, thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên trả hộ chị L cho bà 500 triệu đồng.

2. Ngày 21/9/2019 chị L và bà Lê Thị Hạnh, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đến nhà bà trả cho bà 200 triệu đồng.

3. Ngày 19/11/2019 chị L và chị Linh đến nhà bà trả 300 triệu đồng.

4. Ngày 15/01/2020 chị L trả bà 100 triệu đồng.

5. Ngày 05/03/2020 chị L và vợ chồng anh Đại, chị Linh trả bà 02 tỷ đồng để trả vào Ngân hàng Viettinbank rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 414 diện tích 318,3 m^2.

6. Tháng 4 năm 2020 vợ chồng anh Đại, chị Linh trả hộ chị L cho bà 500 triệu đồng.

7. Chị L trực tiếp chuyển khoản cho bà vào số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên, cụ thể: Ngày 23/9/2019 là 40 triệu đồng; ngày 12/02/2019 là 13 triệu đồng; ngày 07/01/2019 là 410.000.000 đồng, tổng là 463 triệu đồng. Trong đó bà đã trả lại cho chị L 13 triệu đồng ngay trên xe ô tô, bà chỉ nhận 450 triệu đồng.

8. Anh Tô Thanh Thuận, sinh năm 1983. Địa chỉ: Mộc Bài, Bevest, Campuchia chuyển khoản cho bà vào số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên, cụ thể: Ngày 18/6/2019 là 50 triệu đồng; ngày 18/6/2019 là 28.850.000 đồng; ngày 14/7/2019 là 10 triệu đồng; ngày 05/6/2019 là 100 triệu đồng; ngày 05/6/2019 là 100 triệu đồng; ngày 05/6/2019 là 30.800.000 đồng nhưng chị L lấy lại 88.800.000 đồng chỉ để lại 150 triệu đồng. Tổng anh Thuận chuyển cho bà là 319.650.000 đồng nhưng bà chỉ nhận 230.850.000 đồng.

9. Anh Chu Đình Quân, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh chuyển khoản cho bà số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên, cụ thể: Ngày 10/5/2019 là 12.500.000 đồng, ngày 30/5/2019 là 16.500.000 đồng; ngày 27/7/2019 là 20 triệu đồng; ngày 10/10/2019 là 10 triệu đồng; ngày 04/11/2019 là 10 triệu đồng, ngày 06/11/2019 là 50 triệu đồng và 25 triệu đồng, tổng là 144.000.000 đồng.

10. Chị Nguyễn Thị Diễm Trinh, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 53 Nguyễn Sơn, Phú Thanh, Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh chuyển khoản cho bà vào số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên số tiền là 104.000.000 đồng.

11. Anh Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Muộn Sảng, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên chuyển khoản cho bà vào số tài khoản 2410205104481 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tiên Lữ, cụ thể: Ngày 03/02/2019 là 3.000.000 đồng; ngày 14/6/2019 là 13.200.000 đồng; ngày 20/7/2019 là 5.000.000 đồng; ngày 08/10/2019 là 4.050.000 đồng và số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên ngày 11/8/2019 là 14 triệu đồng

tổng là 71.250.000 đồng trong đó chị L cầm 20 triệu đồng trả tiền cửa, tổng bà chỉ cầm 51.250.000 đồng.

12. Chị L trả bà 05 triệu đồng hôm đi khám bệnh cho ông Hải , 03 triệu đồng tiền bà làm mặt và 18.000.000 đồng để trả tiền mua máy tính, tổng là 26.000.000 đồng.

13. Bà Võ Ngọc H. Địa chỉ: Số 53 Nguyễn Sơn, Phú Thanh, quận T, thành phố HCM chuyển khoản cho bà vào số tài khoản 2410205104481 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Tiên Lữ ngày 17/7/2019 là 30 triệu đồng.

14. Chị Ngô Huỳnh Cẩm Gi, sinh năm 1988. Địa chỉ: Quận 2, Mai Chí Thọ, thành phố HCM chuyển khoản cho bà số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên ngày 21/6/2019 số tiền 18.000.000 đồng.

15. Chị Dung. Địa chỉ: Mộc Bài, Bevest, Cam Puchia chuyển khoản cho bà số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên số tiền 10.000.000 đồng hôm đi du lịch Đà Nẵng.

16. Anh Vương Hải B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh H đưa cho bà là 12.000.000 đồng, còn chị L khai anh B đưa lần 2 cho bà 3.000.000 đồng, nhưng 3.000.000 đồng trả hộ anh Tùng, tổng là 12.000.000 đồng.

Như vậy chị L nợ vợ chồng bà tổng số tiền là 6.028.000.000 đồng, đã trả 4.759.400.000 đồng còn nợ 1.265.000.000đồng. Giấy vay tiền và hợp đồng vay tài sản các bên ký có công chứng các ngày 05 và 06/3/2020 thực chất là các bên chốt những khoản chị L vay nợ của vợ chồng bà nêu trên chứ bà không cho chị L vay số tiền nào khác và các bên không giao tiền cho nhau.

Chị Nguyễn Thị Kim L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thống nhất với bà Ng số tiền chị vay làm ăn của vợ chồng bà Ng là 1.310.000.000 đồng; tiền chi phí mua hộ nhà đất là 3.114.000.000 đồng; tiền nhờ sửa nhà hết 550 triệu đồng. Chị chỉ chấp nhận nợ bà Ng tiền vay mua sắm là 324.600.000 đồng chứ không phải là 633 triệu đồng như bà khai. Ngoài ra chị không vay nợ bà Ng khoản tiền nào khác. Chị đã nhiều lần chuyển khoản, đưa tiền mặt, nhờ người trả hộ cho vợ chồng bà Ng tổng số tiền là 5.320.100.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Chị đưa tiền mặt trả bà Ng tổng số tiền 316 triệu đồng, cụ thể: Tháng 7/2019 đưa 150 triệu đồng đặt cọc mua nhà đất; ngày 27/9/2019 chị đưa bà Ng 40 triệu đồng; ngày 15/01/2020 bà Ng lấy ở nhà chị 100 triệu đồng chạy việc cho con trai; chị đưa tiền 5.000.000 đồng cho bà Ng để đưa ông Hải đi khám bệnh; 3.000.000 đồng để bà Ng trả tiền làm mặt; 18.000.000 đồng để bà Ng trả tiền mua máy tính. Chị trực tiếp chuyển khoản cho bà Ng 03 lần vào số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh

Hưng Yên số tiền là 463.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 23/9/2019 là 40.000.000 đồng; ngày 12/02/2019 là 13.000.000 đồng; ngày 07/01/2019 là 410.000.000 đồng. Tổng số tiền chị trực tiếp trả vợ chồng bà Ng là 779.000.000 đồng.

2. Chị nhờ vợ chồng anh Trần Đình Đ, sinh năm 1992, chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Quán Karaoke Queen, thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên chuyển tiền trả bà Ng tổng là 3.340.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 12/6/2019 chị L, anh Đ đưa bà Ng số tiền 40.000.000 đồng, tháng 7/2019 đưa bà Ng số tiền 500 triệu đồng; ngày 19/11/2019 L đưa bà Ng 300 triệu đồng; ngày 05/3/2020 chị Linh đưa bà Ng 02 tỷ đồng; tháng 4/2020 chị Linh đưa bà Ng 500 triệu đồng.

3. Ngày 21/9/2019 chị và mẹ là bà Lê Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh H đến nhà bà Ng đưa cho bà Ng số tiền 200 triệu đồng.

4. Ngày 21/9/2019 chị nhờ anh Phạm Đức S, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh H cầm số tiền 50 triệu đồng đưa cho vợ chồng bà Ng. Ngày 04/12/2019 chuyển vào tài khoản 103883665678 ngân hàng Viettinbank của bà Ng số tiền 31.400.000 đồng. Tổng anh Sản đưa bà Ng số tiền là 81.400.000 đồng.

5. Chị nhờ anh Vương Hải B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh H đưa cho bà Ng 02 lần, lần 01 là 12.000.000 đồng và lần 02 là 3.000.000 đồng.

6. Chị nhờ anh Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh H đến nhà bà Ng đưa cho bà Ng số tiền tổng là 98.250.000 đồng, cụ thể: Tháng 8/2019 đưa tiền mặt cho bà Ng 20 triệu đồng; ngày 14/6/2019 đưa 09 triệu đồng, nhờ anh Vương Hải B chuyển cho bà Ng 03 triệu đồng; chuyển vào tài khoản 2410205104481 ngân hàng Agribank của bà Ng 13.200.000 đồng; ngày 20/7/2019 chuyển vào tài khoản trên 5.000.000 đồng. Ngày 11/8/2019 chuyển vào tài khoản số 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên cho bà Ng số tiền 14 triệu đồng; ngày 8/10/2019 chuyển 4.050.000 đồng và ngày 03/02/2020 chuyển 30 triệu đồng.

7. Chị nhờ anh Tô Thanh Th, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tại Mộc Bài, Bevest, Campuchia chuyển khoản cho bà Ng 07 lần vào số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên cho bà Ng, cụ thể: Ngày 18/6/2019 chuyển hai lần, lần một là 50 triệu đồng và lần hai là 28.850.000 đồng; ngày 28/6/2019 chuyển 153 triệu đồng; ngày 14/7/2019 chuyển 10 triệu đồng; ngày 05/6/2019 chuyển 03 lần, lần một là 100 triệu đồng, lần hai là 100 triệu đồng và lần ba là 30.800.000 đồng) tổng là 472.650.000 đồng.

8. Chị nhờ anh Chu Đình Qu, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố HCM, chỗ ở hiện tại: Mộc Bài, Bevest, Campuchia chuyển khoản cho bà Ng 09 lần vào số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên (ngày 30/5/2019 là 16.500.000 đồng; ngày 06/11/2019 là 10.000.000 đồng; ngày 06/11/2019 là 25.000.000 đồng; ngày 06/11/2019 là 50.000.000 đồng; ngày 04/11/2019 là 10.000.000 đồng; ngày 27/7/2019 là 20.000.000 đồng; ngày 05/10/2019 là 12.500.000 đồng; ngày 30/5/2019 là 16.500.000 đồng; ngày 24/6/2019 là 13.500.000 đồng; ngày 10/10/2019 là 10.000.000 đồng; ngày 02/12/2019 là 25.000.000 đồng) tổng là 182.500.000 đồng.

9. Chị nhờ bà Võ Ngọc H. Địa chỉ: Số 53 Nguyễn Sơn, Phú Thanh, quận T, thành phố HCM chuyển khoản cho bà Ng vào số tài khoản 2410205104481 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tiên Lữ ngày 17/7/2019 là 30.000.000 đồng.

10. Chị nhờ chị Nguyễn Thị Diễm Tr, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 53 Nguyễn Sơn, Phú Thanh, Tân Bình, thành phố HCMchuyển khoản cho bà Ng 06 lần vào số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên, cụ thể: Ngày 28/6/2019 là 13 triệu đồng; ngày 26/9/2019 là 40 triệu đồng; ngày 19/11/2019 là 03 triệu đồng; ngày 02/12/2019 là 25 triệu đồng; ngày 01/10/2020 là 09 triệu đồng và chuyển vào số tài khoản 2410205104481 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tiên Lữ của bà Ng ngày 21/9/2019 là 6.300.000 đồng, tổng là 96.300.000 đồng.

11. Chị nhờ chị Ngô Huỳnh Cẩm G, sinh năm 1988. Địa chỉ: Quận 2, Mai Chí Thọ, thành phố HCM chuyển khoản cho bà Ng số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên ngày 21/6/2019 số tiền 18.000.000 đồng.

12. Chị nhờ chị D. Địa chỉ: Mộc Bài, Bevest, Campuchia chuyển khoản cho bà Ng vào số tài khoản 103883665678 Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên số tiền 10.000.000 đồng hôm đi du lịch Đà Nẵng.

Hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2020; giấy biên nhận ngày 05/3/2020 và hợp đồng vay tiền ngày 6/3/2020 là do chị bị bà Ng ép ký, do khi đó nhà đất bà Ng mang đi thế chấp Ngân hàng Viettinbank vay số tiền 2.000.000.000 đồng, số tiền này bà Ng giữ, hàng tháng em gái chị là chị Nguyễn Thị L phải trả lãi cho đến khi rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Khi chị yêu cầu vợ chồng bà Ng sang tên nhà đất thì vợ chồng bà Ng không chịu trả nhà đất, do lo lắng nên ngày 05/3/2020 chị đã đưa vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Trần Đình Đ số tiền 2.000.000.000 đồng lên nhà bà Ng để đưa cho bà Ng, ông Hải trả tiền Ngân hàng rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Cùng ngày 05/3/2020 bà Ng đã

ép chị phải ký Hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2020; giấy biên nhận ngày 05/3/2020 và hợp đồng vay tiền ngày 06/3/2020 thì mới sang tên lại sổ đỏ nên chị đã ký. Chị khẳng định không vay bà Ng số tiền 1.650.000.000 đồng, chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim L, sửa bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đoàn Thị Ng. Bà Ng, ông Hải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L được làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên được Tòa án xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Đức Hải vắng mặt tại phiên tòa nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông là Bà Đoàn Thị Ng có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Đức Hải.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Đoàn Thị Ng khởi kiện yêu cầu chị L phải trả cho vợ chồng bà số tiền còn nợ là 1.150.000.000 đồng theo hợp đồng vay nợ hai bên đã ký kết có công chứng ngày 06/3/2020 và lãi suất theo quy định. Chị L và bà Ng đều khẳng định vợ chồng bà Ng cho chị L vay tiền làm ăn, mua hộ nhà đất và thuê người sửa nhà cho chị L là có thật. Tuy nhiên, bà Ng khẳng định chị L chưa trả hết nợ vợ chồng bà, chị L khẳng định đã trả thừa tiền cho vợ chồng bà Ng, chị ký hợp đồng trên để bà Ng chuyển quyền sử dụng nhà đất bà Ng mua hộ sang cho chị. Việc hai bên ký hợp đồng ngày 06/3/2020 là đúng nhưng các bên không giao nhận tiền mặt cho nhau mà chỉ chốt số tiền chị L vay vợ chồng bà Ng để làm ăn trước đó, tiền vợ chồng bà Ng mua hộ chị L nhà đất, chi phí sửa nhà và số tiền chị L đã trả cho vợ chồng bà Ng.

[2.1]. Về những khoản tiền chị L vay nợ vợ chồng bà Ng: Mặc dù bà Ng và chị L khai số tiền vợ chồng bà Ng cho chị L vay và số tiền chị L trả cho ông

bà không thống nhất nhưng tại phiên tòa phúc thẩm chị L đã nhất trí chấp nhận số tiền vay nợ bà Ng theo con số bà Ng kê khai, cụ thể: Tiền vay làm ăn là 1.310.000.000 đồng; tiền chi phí mua nhà đất là 3.114.000.000 đồng, trong đó có 03 tỷ đồng mua nhà đất, 50 triệu đồng chi cho bà H, 25 triệu đồng mua hòn non bộ, 35 triệu đồng nộp thuế và chi phí chuyển nhượng, 04 triệu đồng chí phí vay tiền ngân hàng; 550 triệu đồng tiền thuê sửa nhà. Đó là số tiền chị L vay nợ vợ chồng bà Ng các bên đã thống nhất là căn cứ giải quyết vụ án.

Ngoài những khoản tiền bà Ng cho chị L vay các bên đã thống nhất nêu trên, bà Ng còn yêu cầu chị L phải thanh toán cho bà số tiền 633 triệu đồng chị L vay bà để mua sắm (BL số 356). Chị L không chấp nhận số tiền này nhưng chị L cũng có bản tự kê những khoản vay nợ bà Ng để chi phí mua sắm số tiền tổng là 324.600.000 đồng (BL số 602). Xét thấy hai bên đều khẳng định có số tiền này, mặc dù số tiền các bên cung cấp không thống nhất nhưng có căn cứ chấp nhận những khoản các bên tự kê khai trùng nhau có tổng số tiền là 324.600.000 đồng buộc chị L phải có trách nhiệm trả cho bà Ng là phù hợp. Như vậy, đối trừ số tiền 633 triệu đồng bà Ng khai với số tiền 324.600.000đồng chị L khai còn 308.400.000đồng bà Ng không có căn cứ chứng minh là số tiền chị L vay bà để mua sắm nên không có căn cứ chấp nhận.

Về việc bà Ng yêu cầu chị L trả cho bà số tiền 421 triệu đồng lợi nhuận. Chị L không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện hai bên thỏa thuận về số tiền lợi nhuận nên yêu cầu của bà Ng buộc chị L phải trả cho bà số tiền lợi nhuận 421 triệu đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, chị L vay vợ chồng ông H, bà Ng tổng số tiền là 5.298.600.000 đồng là có căn cứ. Bà Ng khẳng định chị L vay vợ chồng bà tổng số tiền 6.028.000.000 đồng là không có căn cứ.

[2.2]. Về số tiền chị L đã trả nợ cho vợ chồng bà Ng:

Bà Ng và chị L đã thống nhất số tiền chị L đã trả cho vợ chồng bà gồm: Chị Linh, anh Đại chuyển cho bà Ng số tiền 3.340.000.000 đồng, chị Dung chuyển 10 triệu đồng, chị Giang chuyển 18 triệu đồng, bà Hạnh trả 200 triệu đồng, anh Bình chuyển trả 12 triệu đồng, chị Trinh chuyển trả 96.300.000 đồng, chị Hà chuyển trả 30 triệu đồng, anh Sản chuyển trả 81.400.000 đồng, tổng là 3.787.700.000 đồng.

Số tiền trả nợ các bên không thống nhất, cụ thể:

+ Chị L khẳng định đã trực tiếp trả bà Ng số tiền tổng là 779 triệu đồng, trong đó chị trả tiền mặt 316 triệu đồng và 463 triệu đồng chuyển vào tài khoản số 103883665678 ngân hàng Viettinbank của bà Ng. Bà Ng chỉ chấp nhận 463 triệu đồng, trong đó đưa tiền mặt 100 triệu đồng và chuyển khoản 336 triệu đồng nhưng bà Ng không có căn cứ chứng minh.

+ Chị nhờ anh Nguyễn Thanh Tùng chuyển trả bà Ng 98.250.000 đồng, trong đó đưa tiền mặt 32 triệu đồng và chuyển vào tài khoản của bà Ng số tiền 66.250.000 đồng. Tại lời khai ngày 09/9/2022 bà Ng khai anh Tùng chuyển khoản cho bà 05 lần số tiền là 66.250.000 đồng (BL 301). Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng nhận anh Tùng trả bà 59 triệu đồng, như vậy lời khai của bà Ng là mâu thuẫn nhau không có căn cứ chấp nhận.

+ Chị L nhờ anh Tô Thanh Th chuyển vào tài khoản số 103883665678 ngân hàng Viettinbank của bà Ng 07 lần số tiền 472.650.000 đồng. Lời khai của bà Ng ngày 09/9/2022 khẳng định anh Th chuyển cho bà số tiền 319.650.000 đồng (BL 301). Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng chỉ chấp nhận anh Thuận chuyển cho bà 238 triệu đồng là không thống nhất, không có căn cứ chấp nhận.

+ Chị L nhờ anh Chu Đình Q chuyển vào tài khoản số 103883665678 ngân hàng Viettin ank của bà Ng 09 lần số tiền trả bà Ng là 182.500.000 đồng. Bà Ng chỉ chấp nhận anh Quân chuyển cho bà 132 triệu đồng nhưng bà không có căn cứ chứng minh.

Chị Nguyễn Thị L, anh Trần Đình Đ, bà Lê Thị H, anh Nguyễn Đức S, chị Võ Ngọc H, anh Vương Hải H, anh Nguyễn Thanh T, anh Tô Thanh Th, anh Chu Đình Q, chị Nguyễn Thị Diễm Tr, chị Ngô Huỳnh Cẩm G và chị D là những người được chị L nhờ đưa và chuyển tiền cho bà Ng, ông H đều khẳng định có đưa và chuyển tiền hộ chị L cho bà Ng ông H và họ không liên quan đến số tiền đó. Riêng anh Th và anh T chưa có lời khai khẳng định việc chuyển tiền trả bà Ng hộ chị L nhưng có căn cứ các anh đã chuyển tiền vào tài khoản của bà Ng qua Ngân hàng số tiền như chị L cung cấp là có căn cứ chấp nhận. Như vậy, có căn cứ khẳng định chị L đã trả cho vợ chồng bà Ng số tiền tổng là 5.320.100.000 đồng (*Năm tỷ ba trăm hai mươi triệu một trăm nghìn đồng).* Bà Ng khẳng định chị L trả ông bà số tiền vay nợ 4.759.400.000 đồng là không có căn cứ.

[2.3]. Về hợp đồng vay nợ giữa bà Ng và chị L: Đối với hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2020; giấy biên nhận ngày 05/3/2020 số tiền vay 1.650.000.000 đồng, thời hạn vay từ 05/3/2020 đến ngày 20/3/2020 và hợp đồng vay tiền ngày 06/3/2020 số tiền vay 1.650.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn từ 06/3/2020 đến 21/3/2020. Bà Ng cho rằng khoản tiền 1.650.000.000 đồng trên là một, là đối trừ công nợ của hai bên, bà không giao tiền cho chị L. Chị L xác định chị không nhận tiền của bà Ng, chị đã trả xong tiền vay và tiền mua nhà đất cho bà Ng nên chị không còn nợ bà Ng, ông Hải khoản tiền nào khác. Như vậy, bà Ng, chị L đều khẳng định các bên ký kết hợp đồng vay tiền 1.650.000.000 đồng ngày 05 và ngày 06/3/2020 là đối trừ các số nợ cũ của chị L với vợ chồng bà Ng chứ các bên không giao nhận tiền cho nhau nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ. Mặt khác, chị L đã trả hết số tiền vay nợ của vợ chồng bà Ng như phân tích phần trên nên yêu cầu đòi nợ của bà Ng với chị L không có căn cứ.

Về yêu cầu khởi kiện của bà Ng đề nghị kê biên, phát mại tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa đất số 414 tờ bản đồ số 24 diện tích 318,3m^2 địa chỉ xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng vay tiền, nhà đất này vẫn mang tên ông Hải bà Ng và đang thế chấp tại ngân hàng để vay tiền. Đến ngày 09/3/2020 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiên Lữ đăng ký biến động sang tên chị Nguyễn Thị Kim L. Do đó, chị L ký giấy vay tiền ngày 05/3/2020 và hợp đồng vay tiền ngày 06/3/2020 là để bà Ng ông Hải sang tên nhà đất cho chị là có căn cứ. Không có căn cứ bà Ng ép chị L ký hợp đồng vay tiền ngày 06/3/2020 nhưng chị L ký hợp đồng này là điều kiện để bà Ng chuyển quyền sử dụng nhà đất bà mua hộ chị L

là có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng về nội dung này là có căn cứ.

Đối trừ số tiền chị L vay nợ vợ chồng bà Ng ông H là 5.298.600.000 đồng với số tiền chị L đã trả cho ông Hải bà Ng là 5.320.100.000 đồng, chị L đã thanh toán xong số nợ cho vợ chồng bà Ng ông Hải, yêu cầu khởi kiện của bà Ng buộc chị L trả cho ông bà số tiền nợ còn lại 1.150.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc chị L phải trả cho vợ chồng bà Ng số tiền gốc là 1.150.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc là 267.260.000 đồng. Cộng cả gốc và lãi chị L phải trả là 1.417.260.000 đồng là không có căn cứ.

Chị L không yêu cầu vợ chồng bà Ng trả cho chị số tiền trả nợ thừa, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài số nợ nêu trên giữa vợ chồng bà Ng và chị L nếu còn phát sinh các khoản nợ khác các bên có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim L có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của TAND huyện Tiên Lữ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đoàn Thị Ng.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà Đoàn Thị Ng và ông Lê Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền khởi kiện không được Tòa án chấp nhận Chị Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L. Sửa bản án sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 22/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, như sau:

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự ; Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đoàn Thị Ng về việc buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải trả cho vợ chồng bà số tiền còn nợ là 1.150.000.000đ (*Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*) và đề nghị kê biên phát mại tài sản là nhà, đất tại thửa số 414, tờ bản đồ số 24 tại xã D, huyện T, tỉnh H để đối trừ nợ vì không có căn cứ.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Ng và ông Lê Đức H phải chịu 46.500.000đ *(Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 23.250.000 (*Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* bà Ng đã nộp tạm ứng án phí dân sự theo biên lai thu số:

0004501 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Bà Ng, ông Hải còn phải nộp tiếp 23.250.000đ (*Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị L số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004571 ngày 11/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *TAND huyện Tiên Lữ;*
- *Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa DS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Vũ Thị Nga